

Bản án số: 95/2026/DS-PT

Ngày: 04/02/2026

V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Mai.

Các Thẩm phán:

Bà Võ Bích Hải.

Bà Đào Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2025/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Quốc T**, sinh năm 1985. Căn cước công dân số: 094085009702, cấp ngày 07-01-2025.

Địa chỉ: Ấp X, xã H, Thành phố Cần Thơ.

- *Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Khánh T1**, sinh năm 1976. Căn cước công dân số: 0940760090137, cấp ngày 25-12-2022.

Địa chỉ: Số A, Đường N, Khóm C, phường P, Thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:*

1. Ông **Huỳnh Thanh B**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp X, xã H, Thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Đặng Thị X**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp X, xã H, Thành phố Cần Thơ.

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Đặng Thị H**, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp X, xã H, Thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Lê Thị Đ**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 4 năm 2025 của nguyên đơn ông **Lê Quốc T**, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông **Nguyễn Khánh T1** trình bày: Ông T và vợ chồng ông **Huỳnh Thanh B**, bà **Đặng Thị X** có quan hệ họ hàng. Vào ngày 15-5-2021 (âm lịch) nhằm ngày 24-6-2021 (dương lịch) ông T cho ông B, bà X vay mượn số tiền 250.000.000 đồng. Ông B, bà X trực tiếp nhận số tiền 250.000.000 đồng, bà X là người viết giấy mượn tiền và ông B, bà X ký tên vào giấy mượn tiền đưa cho ông T giữ. Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận bằng lời nói thời hạn vay mượn tiền là 03 năm và không tính tiền lãi. Đến nay đã quá thời hạn trả tiền nhưng ông B, bà X không trả tiền cho ông T. Do đó, ông T yêu cầu vợ chồng ông B, bà X trả cho ông T số tiền 250.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông **Huỳnh Thanh B**, bà **Đặng Thị X** trình bày: Ông B, bà X có quan hệ là vợ chồng. Ông B, bà X thừa nhận vào ngày 15-5-2021 (âm lịch) nhằm ngày 24-6-2021 (dương lịch) tại nhà của ông B, bà X tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp X, xã H, Thành phố Cần Thơ), ông B, bà X có nhận của ông T số tiền vay 250.000.000 đồng. Bà X là người viết giấy mượn tiền và ông B, bà X ký tên vào giấy mượn tiền. Tuy nhiên, số tiền này ông B, bà X vay giùm cho bà **Lê Thị Đ**, 03 (ba) ngày sau khi nhận tiền, ông B, bà X đã giao cho bà Đ số tiền 250.000.000 đồng, bà Đ có viết giấy vay tiền cho ông B, bà X. Ông B, bà X và bà Đ thỏa thuận tiền lãi hàng tháng phải trả cho ông T là 04%/tháng, tương đương số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, hàng tháng bà Đ đưa cho bà X số tiền 10.000.000 đồng để đóng lãi cho ông T do bà **Đặng Thị H** là mẹ ruột của ông T nhận cho đến ngày 15-5-2024 âm lịch (nhằm ngày 20-6-2024 dương lịch) bà Đ không còn khả năng nên không tiếp tục đóng lãi cho ông T. Ông B, bà X đồng ý trả cho ông T số tiền vay 250.000.000 đồng nhưng xin gia hạn thời hạn trả đến tháng 02-2026 (âm lịch) hoặc giao 02 liếp vườn để trừ số tiền đã nhận của ông T. Ông B, bà X và bà Đ thỏa thuận vào tháng 02-2026 (âm lịch) bà Đ sẽ trả cho ông B, bà X số tiền vay 250.000.000 đồng nên ông B, bà X không yêu cầu giải quyết giao dịch vay tiền giữa ông B, bà X và bà Đ trong cùng vụ án này. Bà Đ không trả tiền cho ông B, bà X như thỏa thuận thì ông B, bà X khởi kiện thành vụ án khác.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 7 năm 2025, người làm chứng bà **Đặng Thị H** trình bày: Bà H là mẹ ruột của ông T; là chị ruột của bà **Đặng Thị**

X; là chị vợ của ông Huỳnh Thanh B; không quen biết với bà Lê Thị Đ. Bà H không có mâu thuẫn với ông T, vợ chồng bà X, ông B và bà Đ. Bà H không biết sự việc bà Đ nhờ vợ chồng ông B, bà X vay tiền của ông T; không biết giao dịch vay tiền, thỏa thuận lãi suất giữa ông T và vợ chồng ông B, bà X; hàng tháng bà H không có nhận số tiền 10.000.000 đồng là số tiền ông B, bà X trả tiền lãi cho ông T.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Toà án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 58/2025/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc T, buộc ông Huỳnh Thanh B, bà Đặng Thị X phải trả cho ông Lê Quốc T số tiền vay còn nợ theo “Giấy mượn tiền ngày 15-5-2021 âl” là 250.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Ông Lê Quốc T không yêu cầu ông Huỳnh Thanh B, bà Đặng Thị X phải trả lãi nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn xin thay đổi yêu cầu kháng cáo, không yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét về số nợ và thời hạn trả nợ, bị đơn chỉ yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét kháng cáo của bị đơn về việc xin miễn án phí dân sự sơ thẩm do bị đơn là người cao tuổi.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa của các đương sự cho thấy cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến cũng như chứng cứ các bên cung cấp và trình bày. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu cấp phúc thẩm xét miễn án phí cho bị đơn do bị đơn là người cao tuổi. Việc yêu cầu kháng cáo về

án phí của bị đơn là có cơ sở theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc xin miễn án phí, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay vì vậy cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là phù hợp.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, phía bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về thủ tục tố tụng: phía nguyên đơn được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 22 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn vì bị đơn đã trên 60 tuổi. Nhận thấy, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, bị đơn là người cao tuổi nhưng bị đơn không có đơn xin miễn án phí, vì vậy cấp sơ thẩm không xem xét về phần án phí cho bị đơn. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo về việc xin được miễn án phí, đồng thời bị đơn có nộp đơn xin miễn án phí. Thấy rằng, theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn là Người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn về việc xin được miễn án phí, sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí. Việc sửa bản án sơ thẩm được đánh giá là khách quan, không thuộc lỗi của cấp sơ thẩm.

[5] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 58/2025/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cần Thơ không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:**

- Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Thanh B và bà Đặng Thị X về việc xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 58/2025/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cần Thơ cụ thể như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc T.

Buộc ông Huỳnh Thanh B, bà Đặng Thị X phải trả cho ông Lê Quốc T số tiền vay còn nợ theo “Giấy mượn tiền ngày 15-5-2021 âl” là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Huỳnh Thanh B và bà Đặng Thị X. Nguyên đơn ông Lê Quốc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Quốc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001364 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 6 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Tuyết Mai